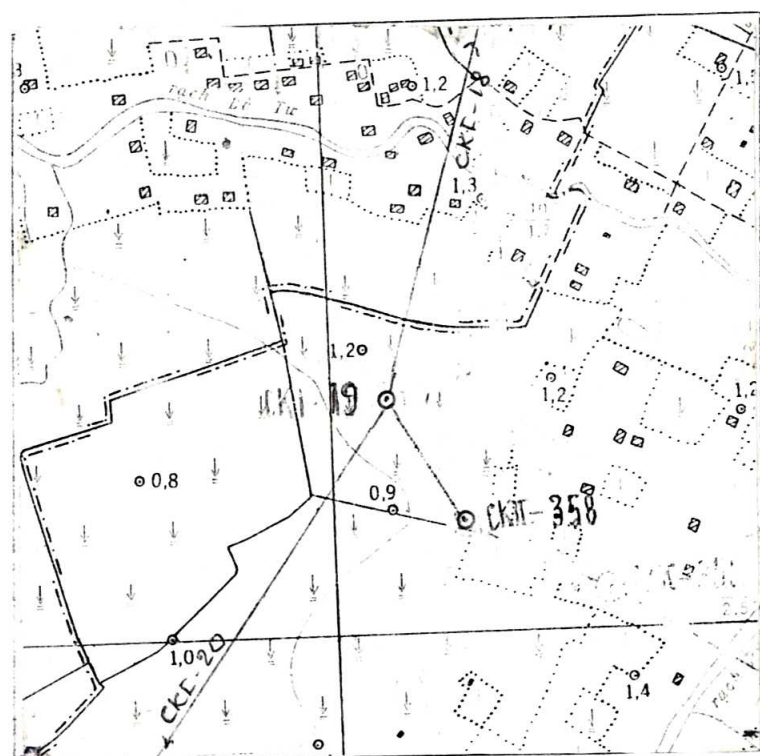


# GHI CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

Tên điểm: \_\_\_\_\_ Số hiệu: CKI-19 Mảnh bản đồ: C-48-81-A-C-5  
 Phương pháp đo: Đường chuyên Cấp, hạng: ĐCII  
 Trị giá khái lược \_\_\_\_\_ Độ cao: \_\_\_\_\_ Kinh độ: 106° 04' 6"  
 \_\_\_\_\_ Vị độ: 9° 50' 4"  
 Loại đất: Đất công Chất đất: Đất thịt  
 Nơi đặt mốc: Thôn (bản, làng): Ấp II Xã (thị trấn, phường): Phong Phú  
 Huyện (Quận): Cầu Lộ Tỉnh (Thành phố): Trà Vinh  
 Nơi ở gần nhất: Nhà anh: Dương San Khoảng cách tới điểm: 30 m  
 Người chọn: Nguyễn Đình Thô Đơn vị chọn: XNTĐ 203 - Công ty địa chính và Công trình  
 Ngày 30 tháng 3 năm 2000

Bản đồ địa hình khu vực điểm và sơ đồ hướng



Tỷ lệ: 1 : 10.000

Điểm thông hướng:

(Tên, số hiệu, cấp, hạng điểm liên quan mà từ mặt đất điểm trạm đo nhìn thông suốt tới điểm liên quan)

Điểm:

CKI-20

CKI-18

Họ, tên, địa chỉ người

dẫn đường:

Dương San

Ấp II

Xã Phong Phú

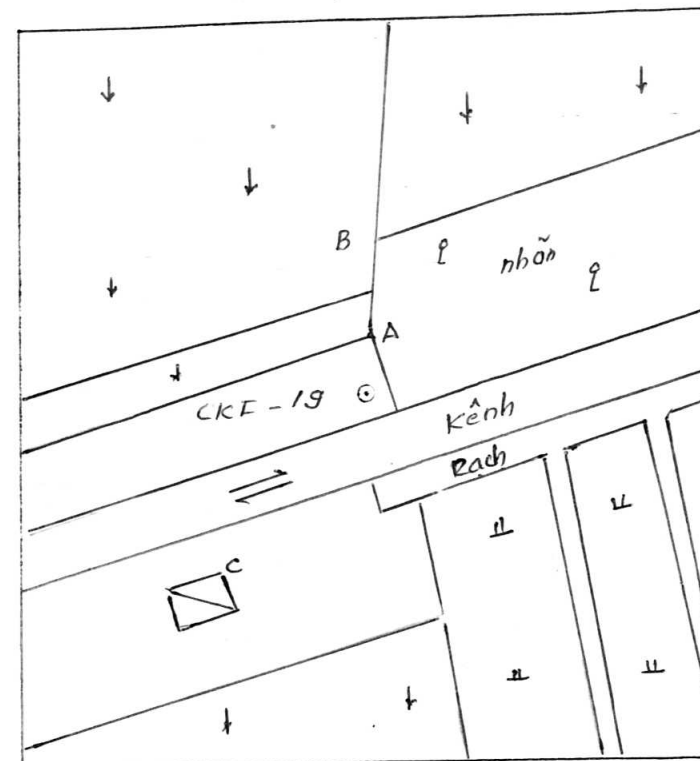
Huyện Cầu Lộ

Tỉnh: Trà Vinh

Số liệu đo mốc (mm)

Từ van đo điểm đến:	Lần 1	Lần 2	T.B.	Chiều cao các tầng mốc
Dây số				
Trung tâm mốc dưới				
Trung tâm mốc giữa				
Trung tâm mốc trên				
Mặt đất				
Mặt tường vẩy hoặc mặt đất sâu khi đắp				

Sơ đồ vị trí điểm



Tỷ lệ: 1 : 1000

Đơn vị chôn mốc, làm tường vẩy:  
 XNTĐ 203 - Công ty địa chính và Công trình

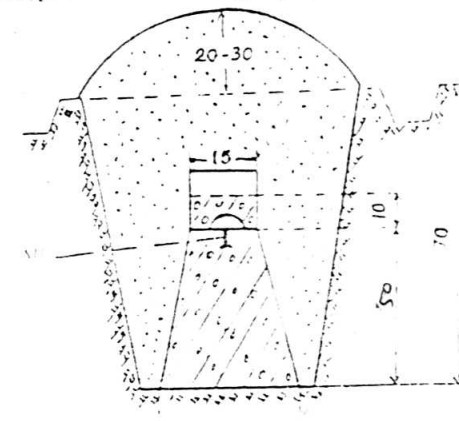
Người chôn mốc:

Nguyễn Văn Phi

Loại mốc: Chôn 1 tầng

Ngày 2 tháng 4 năm 2000

Hình vẽ mặt cắt mốc, tường vẩy (đơn vị cm)



Vịc	Tên vật chuẩn	Hướng và khoảng cách từ mốc đến vật chuẩn (m)
A	Góc ruộng	Bắc 71
E	Nghĩa ba bờ ruộng	Bắc 20.0
C	Góc nhà Anh: Dương San Tây Nam	31.0

Điểm này, Tân dụng mốc cũ, gia cố, chôn trung mốc

Tên điểm: \_\_\_\_\_ Số hiệu: \_\_\_\_\_ Cấp, hạng: \_\_\_\_\_

Điểm này đo nối độ cao bằng: \_\_\_\_\_ Cấp, hạng: \_\_\_\_\_

Dương đi đến điểm (đường ô tô, sắt, thủy, số KM):  
 Từ bến xe huyện Cầu Lộ đi theo quốc lộ 54 đi theo đường tiểu坎 đến ngã ba Trà Diên  
 khoảng 6km đi theo đường đất lùn đến chổ kho về tay phải qua cầu chổ kho  
 qua ấp II đi đến ruộng hơi đến nhà Dương San tới điểm (Mốc chôn Cạnh 1Cạnh)

Cơ quan gia cố mốc, tường vẩy, lập ghi chú điểm:

Ngày 4 tháng 4 năm 2000

Người làm ghi chú điểm:

Nguyễn Đình Thô

Ngày 24 tháng 4 năm 2000

Người kiểm tra

Hà Văn Hy



## HƯỚNG DẪN LẬP GHI CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

Bản ghi chú điểm tọa độ này sử dụng để làm ghi chú điểm tọa độ Nhà nước cấp "O", hạng I, II, III (cấp số), IV và địa chính I, II. Sử dụng mực màu đen để điền viết hoặc đánh máy kiểu chữ in nghiêng. Chữ, số, nét vẽ phải rõ ràng, cân thận, đảm bảo để đảm bảo khi photocopy được bản rõ nét.

1. Tên điểm: Lấy theo địa danh nơi đặt điểm địa phương thường dùng (ở vùng dân tộc ít người ghi phiên âm trong ngoặc đơn). Các điểm địa chính I, II thường không có tên điểm.

2. Số hiệu, cấp hạng điểm: Theo quy định trong luận chung kinh tế - kỹ thuật (LCKT - KT) và thực tế thi công.

3. Mảnh bản đồ số: Là phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình lưới chiếu Gauss, tỉ lệ 1 : 100 000 đối với điểm cấp "O", hạng I, II, III, IV Nhà nước và tỉ lệ 1 : 50 000 đối với điểm địa chính I, II.

4. Phương pháp đo: Theo quy định trong LCKT - KT, thí dụ: Công nghệ GPS, đường chuyền... và thực tế thi công.

5. Giá trị khái lược: Lấy theo số liệu trên bản đồ ở mục 3. Độ cao lấy đến mét, kinh vĩ độ đến 0,1'.

6. Loại đất: Đất công hay tư (tư nhân sử dụng), chất đất theo thực tế. Nếu gần trên vật kiến trúc, trên đá thì ghi rõ gần trên (tháp nước, nhà mái bằng, nền đá...), tên riêng, tên chủ nhà.

7. Nơi đặt mốc: Là địa chỉ hiện tại. Nếu làm trên bề phố, lòng đường phải ghi tên đường, phố.

8. Mốc gần nhất: Là tên thôn, bản, làng hoặc nhà ở nếu điểm đặt ở trong khu dân cư gần nhất. Nếu không có điểm gần nhất thì ghi gần nhất và lấy đến 1 km, 0,1 km hoặc tới chục mét tùy theo điểm ở xa, gần cụ thể.

9. Người chọn, đơn vị chọn: Là tên người, đơn vị hoặc tổ đã chọn điểm.

10. Điểm thông hướng: Theo quy định trong LCKT - KT và theo thực tế thông hướng của điểm.

11. Bản đồ địa hình khu vực điểm và sơ đồ hướng: Cắt và dán bản đồ địa hình hoặc bản photocopy bản đồ địa hình, bản đồ khu vực tỉ lệ 1 : 10 000 - 1 : 50 000, mỗi cạnh 10 x 10 cm. Lấy vị trí điểm làm trung tâm, vẽ điểm cấp "O", hạng I, II, III, IV Nhà nước vẽ bằng ký hiệu tam giác, điểm địa chính I bằng ký hiệu tam giác, điểm địa chính II bằng ký hiệu tam giác, điểm địa chính III bằng ký hiệu tam giác, điểm địa chính IV bằng ký hiệu tam giác. Hình tam giác, đường kính vòng tròn là 4 mm và tô đậm. Số hiệu điểm ghi vào chỗ trống. Độ cao của mốc, số là 2,5 mm. Hướng đến điểm thông hướng vẽ mũi tên đến vị trí điểm, độ nếu điểm ở trong khung hoặc vẽ đến cạnh khung nếu điểm ở ngoài khung. Số hiệu điểm thông hướng viết dọc theo chiều mũi tên, cao 2,5 mm. Sơ đồ hướng: Chỉ vẽ hướng đến các điểm thông hướng.

12. Người dẫn đường: Là người có hồ khẩu thường trú ở địa phương, ghi địa chỉ cụ thể.

13. Sơ đồ vẽ mốc: Chỉ vẽ khi chôn mốc từ hai tầng trở lên hoặc mốc có hai dấu mốc. Sơ đồ lấy từ sơ đồ mẫu. Điểm tọa độ hạng IV Nhà nước, điểm địa chính I, II không có mục này. Các điểm gần trên vật kiến trúc thường cũng không có mục này.

14. Sơ đồ vị trí điểm (10 x 9 cm) và vật chuẩn: Chọn tỷ lệ thích hợp để vẽ được 3 vật chuẩn nằm trong khung sơ đồ. Chỉ vẽ các yếu tố chính có liên quan đến tìm điểm. Vật chuẩn phải là các địa vật cố định, ổn định lâu dài ở thực địa. Ký hiệu và số hiệu điểm quy định như ở mục 11 nhưng không tô đậm, có chấm ở tâm ký hiệu.

15. Người, đơn vị chôn mốc, làm tường vây: Mục nào không làm gạch ngang để bỏ.

16. Loại mốc: Mốc chôn 2 hoặc 3 tầng, mốc gắn trên núi đá, nền đá 2 tầng, mốc gắn trên vật kiến trúc 1 hoặc 2 tầng, bê thiêu vữa (nếu trùng vào bê thiêu vữa).

17. Hình vẽ mặt cắt: Theo sơ đồ ghi chú điểm cũ (mốc chôn cũ) và theo thực tế chôn mốc, làm tường vây mới.

18. Điểm này: Tận dụng mốc cũ, gia cố mốc mới không gạch bỏ và không để mốc cũ. Gạch ngang bỏ mục không làm. Nếu chôn mốc mới.

19. Điểm này có nối đo các bản đồ: Công nghệ GPS đo, nếu đo các hướng khác cấp, hạng: Chỉ ghi khi đạt từ kỹ thuật (hoặc tương đương) trở lên. Thí dụ: K tương đương hạng IV, hạng IV...

20. Đường đi tới điểm: Chỉ vẽ địa điểm cũ hoặc địa điểm mới phương tiện gì. Nếu đi bộ qua rừng, núi thì phải ghi thời gian đi và phổ biến.

21. Các quan gia cố mốc: Nếu làm tường vây làm mới thì không ghi mục này. Nếu làm bổ sung thì gạch bỏ phần tương tự mục 18.

22. Người làm ghi chú cũ: Nếu không ghi tên, không ghi tên.

TỔNG CỤC ĐỊA CHÍNH

long g n

## GHI CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

TÊN ĐIỂM : \_\_\_\_\_

SỐ HIỆU : CKI-19

CẤP, HẠNG : ĐC I

NĂM 2000